TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G** Bản án số:30/2020/DS-ST Ngày: 07/12/2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông ***Nguyễn Xuân H***
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông ***Lê Văn D***
  2. Ông ***Lưu T***
- *Thư ký phiên tòa:* Ông ***Vũ Đức Q*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa:* Bà ***Lê Thị B*** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 49/2020/TLST-DS 11/3/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-DS ngày 26/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 12/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: 96/22 N, phường T, thành phố P, tỉnh G.

Bị đơn: Ông **Phạm Q**, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)
Và bà **Hà Thị Mỹ T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 01, xã T, huyện Đ, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Trên cơ sở quen biết, ngày 06/11/2018, bà T có cho ông Phạm Q và bà Hà Thị Mỹ T vay số tiền 220.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn Ngân hàng; thời hạn vay 03 ngày; lãi suất các nên tự thỏa thuận bằng lời nói với nhau là 2%/1tháng. Quá hạn trả nợ, mặc dù bà T nhiều lần yêu càu trả nợ nhưng ông Q và bà T không thực hiện. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Q và bà T phải trả nợ cho bà T số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng và khoản tiền nợ lãi với mức lãi suất 2%/1tháng tính từ ngày 06/11/2018 đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện theo đó chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả khoản tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Phạm Q và bà Hà Thị Mỹ T đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị:

Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 470 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp trong vụ án phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Đ, tỉnh G. Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn nhưng bị đơn không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 06/11/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có cho bị đơn ông Phạm Q và bà Hà Thị Mỹ T vay số tiền 220.000.000 đồng; mục đích để đáo hạn Ngân hàng; thời hạn vay là 03 ngày; lãi suất thỏa thuận bằng lời nói. Quá hạn trả nợ, mặc dù bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Q và bà T không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Q và bà T phải trả nợ gốc và tiền lãi cho bà là có cơ sở. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không tính lãi trên khoản nợ gốc. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 220.000.000 đồng.

[3] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn là người yêu cầu phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 điều 180; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 280, 357, 463, Điều 470 Bộ luật dân sự;
- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;
- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1. Buộc ông Phạm Q và bà Hà Thị Mỹ T phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*. Nguyên đơn là người yêu cầu phải chịu chi phí này. Nguyên đơn đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Buộc ông Phạm Q và bà Hà Thị Mỹ T phải chịu số tiền 11.000.000 đồng *(Mười một triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 7.040.000 đồng *(Bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005329, ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 07/12/2020. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân H

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT